TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2020/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phan Minh N, CV Quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 130 - 132 B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *(theo giấy ủy quyền số 312/2020/UQ-CNĐN ngày 29.02.2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng)*; Có mặt.

2. Bị đơn: **Bà Lương Đặng Phương N,** sinh năm 1994; Nơi cư trú: H02/33 đường V, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Lê Phan Minh N trình bày:

Ngày 11.05.2015, bà Lương Đặng Phương N có ký với Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng)*. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm. Sau khi cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện giao dịch với số tiền: 27.542.735đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 22.941.167đ (gốc và lãi). Qua Nều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01.06.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16.7.2020, bà Lương Đặng Phương N còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 13.824.805đ; Nợ lãi quá hạn: 16.972.404đ, lãi tính đến ngày 16.7.2020; Tổng cộng: 30.797.209đ. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, Nều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà N có trách Nệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ, tuy Nên bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Đặng Phương N phải trả dứt điểm số tiền còn nợ là 30.797.209 đồng, trong đó nợ gốc là 13.824.805đ và nợ lãi là 16.972.404đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án Dân sự về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" đối với bà Lương Đặng Phương N; Nơi cư trú: H02/33 đường V, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 14.01.2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lương Đặng Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phan Minh N cho rằng ngày 11.05.2015 ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức tối đa là 15.000.000đ cho bà Lương Đặng Phương N. Quá trình giao dịch sử dụng thẻ đến ngày 01.6.2017 bà N còn nợ Ngân hàng 16.972.404đ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 01.6.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn nên yêu cầu Tòa án buộc bà N thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 30.797.209đ. Căn cứ vào các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 11.5.2015, bà Lương Đặng Phương N có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ *(với mục đích tiêu dùng cá nhân)*, lãi suất 2,15%/tháng trên số tiền giao dịch. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 27.572.735đ, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.941.167đ (gốc và lãi). Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ngày 01.6.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với Điều 2 và Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền gốc là 13.824.805đ và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01.6.2017 đến ngày 16.7.2020 là 16.972.404đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.539.860đ (30.797.209 đồng x 5%), theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử :

1. Buộc bà Lương Đặng Phương N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 30.797.209đ *(ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm lẻ chín đồng)*, trong đó, tiền gốc là 13.824.805đ và tiền lãi quá hạn là 16.9723.209đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Đặng Phương N phải chịu 1.539.860 *(một triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 650.000đ (*sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001701, ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử sơ thẩm tại nơi cư trú./.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀNG VŨ